TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2021.
V/v: "Ly hôn giữa chị K và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng.

Bà Đặng Thị Thơm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 212/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K; Sinh năm: 1981*(Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm 7, T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trịnh Duy P; Sinh năm: 1981*(Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm 7, T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 được bổ sung tại bản tự khai ngày 20/01/2021 và toàn bộ quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày: Chị và anh Trịnh Duy P kết hôn vào năm 2016, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Từ khi kết hôn anh chị sống chung với mẹ chồng nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau khi có con thì mâu thuẫn càng nặng nề hơn vì quan điểm nuôi dạy con cái, kinh tế. Vì vậy vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị đi làm công ty thời gian bó buộc anh và mẹ chồng không thông cảm thường xuyên chửi và đánh chị nhiều lần. Vì con nên chị

cố gắng nhưng đến ngày 03/11/2020, khi chị đi làm về bế con sang nhà hàng xóm chơi thì anh đã đánh chị tới tấp về đến nhà anh đánh chị nặng tay hơn. Vì vậy, chị phải ôm quần áo về nhà mẹ chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Duy P.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Trịnh Duy S, sinh ngày 01/12/2016 và Trịnh Duy N, sinh ngày 02/09/2019. Hiện các con chung đang ở cùng anh P. Khi chị về nhà mẹ đẻ ở anh không cho chị thăm mặc dù chị nhờ gia đình và công an xã nhưng anh không cho chị thăm con. Nay ly hôn, chị đề nghị để các cháu được chăm sóc tốt hơn chị đề nghị nuôi cháu S còn anh P nuôi cháu N.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi ý kiến về nuôi con chung: chị đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị được nuôi một trong hai con chung.

Tại bản tự khai ngày 21/12/2020 và toàn bộ quá trình tố tụng, bị đơn anh Trịnh Duy Phát trình bày: Anh và chị Trần Thị K kết hôn vào ngày 24 tháng 10 năm 2016, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống được 2 năm và sinh con thứ hai được 8 ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân như bức thư chị K để lại. Khi mâu thuẫn vợ chồng đã cố gắng hòa giải. Anh chị đã ly thân. Nay chị K xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có hai con là Trịnh Duy S, sinh ngày 01/12/2016 và Trịnh Duy N, sinh ngày 02/09/2018. Hiện các con chung đang ở cùng anh P. Nay ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trịnh Duy P vẫn giữ nguyên ý kiến của mình đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh được nuôi cả hai con chung vì hiện nay cháu S bị tự kỷ, hẹp hậu môn. Hiện anh đang điều trị cho cháu theo chỉ dẫn của bác sỹ tại Bệnh viện Nhi trung ương còn cháu N có biểu hiện gọi không trả lời. Trong quá trình chung sống chị K không có phương pháp dạy con và từ ngày chị K đi đến nay anh một mình chăm sóc cả hai cháu.

Tại biên bản xác minh với UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị K và anh P, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Trịnh Duy P. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Duy S, sinh ngày 01/12/2016. Giao cho anh Trịnh Duy P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Duy N, sinh ngày 02/09/2018. Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị K, anh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Anh Trịnh Duy P có nghĩa vụ giao con chung Trịnh Duy S cho chị Trần Thị K nuôi dưỡng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về việc kết hôn: Chị Trần Thị K và anh Trịnh Duy P kết hôn vào ngày 24 tháng 10 năm 2016, hôn nhân tự nguyên và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà anh P. Trong quá trình chung sống giữa anh chị không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống thường xuyên xảy ra việc đánh cãi nhau. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh P nhất trí. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị K và anh P nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Trịnh Duy P.

[3]Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là Trịnh Duy S, sinh ngày 01/12/2016 và Trịnh Duy N, sinh ngày 02/09/2018. Hiện các con chung đang ở cùng anh Pt. Trên cở sở xem xét yêu cầu của các đương sự. Hội đồng xét xử thấy: hiện cháu N dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu S giao cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng như vậy cũng là phù hợp cho sự phát triển toàn diện của các con chung. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh P có nghĩa vụ giao cháu N cho chị K nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị xác định vợ chồng không có tài sản, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị K nhận nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị K, anh Trịnh Duy P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Trịnh Duy P.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Duy N, sinh ngày 02/09/2018. Giao cho anh Trịnh Duy P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Duy S, sinh ngày 01/12/2016. Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị K, anh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Anh Trịnh Duy P có nghĩa vụ giao con chung Trịnh Duy N cho chị Trần Thị K nuôi dưỡng.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0000333 ngày 15/12/2020.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị K, anh Trịnh Duy P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Phạm Mạnh Cường